

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  
**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU**

Mã hồ sơ: .....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐  
Ngành: Khoa học Trái đất; Chuyên ngành: Khoa học môi trường

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN MINH PHƯƠNG
2. Ngày tháng năm sinh: 17/11/1986; Nam ☐ ; Nữ ☒ ; Quốc tịch: Việt Nam;  
Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không
3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐
4. Quê quán: Xã Đại Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 17A, 514 Hoàng Hoa Thám, phường Bưởi, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội.
6. Địa chỉ liên hệ: Khoa Môi trường, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (ĐHKHTN), Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN), 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.  
Điện thoại: 0966123284 E-mail: nmphuong.hn@hus.edu.vn

**7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):**

- Từ tháng 1 năm 2011 đến tháng 12 năm 2020: Giảng viên (Hạng III), công tác tại Bộ môn Công nghệ môi trường, Khoa Môi trường, Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN.
- Từ tháng 4 năm 2013 đến tháng 12 năm 2016: Nghiên cứu sinh theo chương trình học bổng toàn phần DAAD (Cơ quan trao đổi Hàn lâm Đức) tại Trung tâm Nghiên cứu môi trường Helmholtz – UFZ và Đại học Kỹ thuật Dresden, CHLB Đức.
- Từ tháng 1 năm 2021 đến nay: Giảng viên chính (Hạng II), công tác tại Bộ môn Công nghệ môi trường, Khoa Môi trường, Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN.
- Từ tháng 4 năm 2022 đến nay: Phó trưởng Bộ môn Công nghệ môi trường, Khoa Môi trường, Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN.

Chức vụ hiện nay: Phó trưởng Bộ môn Công nghệ môi trường; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng Bộ môn Công nghệ môi trường.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Môi trường, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

Các chức vụ khác: không

**8. Đã nghỉ hưu:** chưa nghỉ hưu

**9. Trình độ đào tạo:**

- Được cấp bằng Cử nhân ngày 23 tháng 06 năm 2008; số văn bằng: QC 059740; ngành Công nghệ môi trường; chuyên ngành Công nghệ xử lý nước; Nơi cấp bằng: Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN, Việt Nam.
- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 09 tháng 03 năm 2011; số văn bằng: QM 011318; ngành Khoa học môi trường; chuyên ngành Khoa học môi trường; Nơi cấp bằng: Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN, Việt Nam.
- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 20 tháng 12 năm 2016; chuyên ngành Công nghệ sinh học môi trường; Nơi cấp bằng: Đại học Kỹ thuật Dresden, CHLB Đức.

**10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS:** Chưa

**11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS cơ sở:**

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.

**12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành:**

Khoa học Trái đất – Mỏ

**13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:**

**- Ứng dụng biện pháp sinh học trong xử lý và phục hồi, cải tạo môi trường:**

+ Các học phần giảng dạy liên quan đến hướng nghiên cứu: các học phần Vi sinh môi trường, Vi sinh trong kỹ thuật môi trường, Cơ sở công nghệ hóa sinh, Đất ngập nước: đặc tính sinh học và quy định, Xử lý nước thải sinh hoạt, Công nghệ môi trường đại cương, Niên luận công nghệ kỹ thuật môi trường, Thực tập công nghệ môi trường (bậc đại học); các học phần Xử lý và cải tạo môi trường bằng phương pháp sinh học, Công nghệ vi sinh trong xử lý chất thải (bậc thạc sĩ).

+ Các công trình khoa học liên quan đến hướng nghiên cứu: Ứng viên là tác giả chính xuất bản được **02** chương sách trong NXB quốc tế uy tín (công trình số 2, 3 được kê ở mục 5); Đã chủ trì thực hiện **01** đề tài nghiên cứu liên quan đến chuyên môn này (đề tài số 1, được kê ở mục 6), đang chủ trì thực hiện đề tài số 3 (kê ở mục 6); Đã công bố được **27** bài báo quốc tế/quốc gia (trong đó có **10** bài trong danh mục SCIE, **02** bài trong danh mục SCOPUS, **02** bài trên tạp chí quốc tế khác, **13** bài báo trên tạp chí quốc gia) và **06** báo cáo toàn văn đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế/quốc gia (Bài báo số 1, 2, 4, 6, 7, 8, 10, 11, 12, 16, 18, 19, 22, 23, 24, 26, 27, 28, 29, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39 và báo cáo toàn văn trong Kỷ yếu hội thảo số 40, 41, 42, 43, 44, 45 được kê ở mục 7.1.a).

+ Sản phẩm đào tạo: Đã hoàn thành hướng dẫn 01 học viên cao học (HVCH) và nhận bằng thạc sĩ (số 2, kê ở mục 4).

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

**- Độc chất học môi trường và xử lý độc chất gắn với bảo vệ môi trường, phát triển bền vững:**

+ Các học phần giảng dạy liên quan đến hướng nghiên cứu: các học phần Độc học sinh thái, Độc học và sức khỏe môi trường, Hình thái của độc chất trong môi trường, Độc học môi trường và sức khỏe con người, Thực tập hóa học, Thực tập công nghiệp (bậc đại học); học phần Quản lý tài nguyên chất thải rắn (bậc thạc sĩ).

+ Các công trình khoa học liên quan đến hướng nghiên cứu: Ứng viên là đồng tác giả xuất bản được **01** sách giáo trình và **01** chương sách trong NXB quốc tế uy tín (công trình số 1, 4 được kê ở mục 5); Đã chủ trì thực hiện **01** đề tài nghiên cứu liên quan đến chuyên môn này (đề tài số 2, được kê ở mục 6); Đã công bố được **12** bài báo quốc tế/quốc gia (trong đó có **07** bài trong danh mục SCIE, **01** bài trên tạp chí quốc tế khác, **04** bài báo trên tạp chí quốc gia) (Bài báo số 3, 5, 9, 13, 14, 15, 17, 20, 21, 25, 30, 31 được kê ở mục 7.1.a).

+ Sản phẩm đào tạo: Đã hoàn thành hướng dẫn 02 HVCH và nhận bằng thạc sĩ (số 1, 3, kê ở mục 4).

#### **14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:**

- Đã hướng dẫn trên **30** sinh viên thuộc các ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường, Khoa học môi trường, hệ đại học chính quy bảo vệ thành công khóa luận tốt nghiệp và nhận bằng cử nhân tại cơ sở đào tạo Trường ĐHKHTN.

- Đã hướng dẫn **03** HVCH bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ và nhận bằng thạc sĩ (hướng dẫn chính: 02, hướng dẫn phụ: 01).

- Đã hoàn thành **chủ trì 02 đề tài** nghiên cứu khoa học (NCKH): 01 đề tài cấp Trường ĐHKHTN, 01 đề tài cấp tỉnh và hiện đang chủ trì 01 đề tài cấp ĐHQGHN.

- Đã công bố (số lượng) **39** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế/quốc gia và **06** báo cáo toàn văn đăng trong Kỷ yếu Hội thảo quốc tế/quốc gia, trong đó có **17** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế trong danh mục SCIE (gồm 12 bài Q1, 03 bài Q2 và 02 bài Q3), **02** bài báo trên tạp chí thuộc danh mục SCOPUS, **03** bài báo trên tạp chí quốc tế khác và **17** bài báo khoa học trên tạp chí trong nước.

- Đã xuất bản **01 sách/giáo trình** tại Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội và **03 chương sách** phục vụ đào tạo tại Nhà xuất bản quốc tế uy tín.

#### **15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):**

- Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong 2 năm liên tục: năm học 2021-2022 và 2022-2023 (theo Quyết định số 1454/QĐ-BGDĐT ngày 22/5/2024);
- Bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN về thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hai năm liên tục từ năm 2023 đến năm 2024 (theo Quyết định số 1996/QĐ-ĐHQGHN, ngày 24/4/2025);
- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm 2024 (theo Quyết định số 274/QĐ-ĐHKHTN ngày 23/1/2025);

- Bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN cho nhà khoa học đạt thành tích xuất sắc trong công tác nghiên cứu khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2022 (theo Quyết định số 540/QĐ-ĐHQGHN, ngày 24/02/2023);
- Bằng khen của Hội nữ trí thức Việt Nam về thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học năm 2022 – 2023 (theo Quyết định số 45/QĐKT-BTV ngày 01/11/2023);
- Giải Nhì cuộc thi “Green Champions of Southeast Asia” do DAAD tổ chức cho các cựu du học sinh khu vực Đông Nam Á năm 2018;
- Giấy khen Hướng dẫn sinh viên đạt giải Nhì nghiên cứu khoa học cấp Trường ĐHKHTN năm 2023; Giấy khen Hướng dẫn sinh viên đạt giải Ba nghiên cứu khoa học cấp Trường ĐHKHTN năm 2024; Giấy khen Hướng dẫn sinh viên đạt giải Nhì nghiên cứu khoa học cấp Trường ĐHKHTN năm 2025.

**16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):** *không*

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ**

### **1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:**

#### ***Về tiêu chuẩn nhà giáo (giảng viên):***

Ứng viên là người có phẩm chất đạo đức, lối sống chuẩn mực, có tác phong nghề nghiệp tốt, có lập trường, quan điểm tư tưởng chính trị vững vàng. Ứng viên luôn chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định theo Hiến pháp, Pháp luật của Đảng và Nhà nước, các quy định của cơ sở giáo dục đại học trực tiếp quản lý ứng viên là ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN, giữ gìn kỷ cương, nề nếp của nhà trường. Trong suốt quá trình công tác tại Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN, ứng viên luôn không ngừng trau dồi kiến thức chuyên môn, tận tụy trong công việc, đồng thời luôn giữ vững đạo đức nhà giáo và truyền thống đạo đức tôn sư trọng đạo.

Sau khi tu nghiệp tại CHLB Đức và trở về Trường ĐHKHTN tiếp tục công tác từ đầu năm 2017, ứng viên luôn không ngừng nỗ lực phấn đấu bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Ứng viên hoàn thành khóa bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giảng viên chính (hạng II) vào tháng 2 năm 2018 và ứng viên đã được công nhận là Giảng viên chính (hạng II) từ tháng 1 năm 2021 (Quyết định số 369/QĐ-ĐHKHTN ngày 19/2/2021). Vào tháng 4 năm 2021, ứng viên hoàn thành khóa bồi dưỡng nghiệp vụ giảng viên cao cấp, hạng I. Vào tháng 4 năm 2022, ứng viên được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó trưởng Bộ môn Công nghệ môi trường, Khoa Môi trường (Quyết định số 1004/QĐ-ĐHKHTN ngày 22/4/2022). Trong quá trình công tác, ứng viên luôn tích cực tham gia nhiều khóa đào tạo, tập huấn, các hội nghị, hội thảo nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ như chương trình tập huấn về phương pháp giảng dạy mới và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy cho giảng viên, giáo viên tại Đại học Quốc gia Hà Nội (tổ chức bởi Viện Đảm bảo chất lượng giáo dục, ĐHQGHN), khóa tập huấn Nâng cao năng lực giáo dục đại học và sau đại học trong khuôn khổ dự án Liên minh bền vững mạng lưới đô thị ở các thành phố châu Á (Sustainability Alliance of Urban Networks in Asian Cities - SAUNAC) được tài trợ bởi

chương trình ERASMUS<sup>+</sup> của Liên minh châu Âu; hội thảo “Phát triển bền vững thông qua chia sẻ kiến thức hiệu quả: nguyên tắc, phương pháp và quy trình” tổ chức bởi Tổ chức Hợp tác quốc tế Đức (GIZ); hội thảo “Mạng lưới Học thuật Việt Nam - Quốc tế trong lĩnh vực Môi trường và Khí hậu” (VIAN-CE) trong khuôn khổ Dự án hợp tác Đổi mới giáo dục đại học (USAID Partnership for Higher Education Reform -PHER).

### **Về nhiệm vụ của nhà giáo (giảng viên):**

- **Về hoạt động đào tạo:** Ứng viên đã hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ của giảng viên chính (hạng II) theo quy định hiện hành; Đã giảng dạy đủ và vượt số giờ chuẩn quy đổi theo đúng quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên tại cơ sở giáo dục đại học, nơi ứng viên đang công tác là Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN. Ứng viên luôn tuân thủ mọi quy tắc trong hoạt động dạy học trong tất cả học phần ứng viên phụ trách giảng dạy, vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học cho đối tượng người học ở các bậc đào tạo đại học, sau đại học. Ứng viên luôn tận tâm truyền đạt kiến thức, kinh nghiệm và các kỹ năng hỗ trợ đáp ứng chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm cho người học ở mỗi bậc đào tạo. Ngoài ra, ứng viên cũng luôn tích cực tham gia vào nhiều vị trí công việc liên quan đến hoạt động đào tạo như: công tác giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập; là thành viên tham gia trong tổ chuyên gia điều chỉnh CTĐT trình độ đại học ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường, CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật môi trường, CTĐT trình độ tiến sĩ chuyên ngành Kỹ thuật môi trường, tham gia cập nhật đề cương chi tiết của nhiều học phần tham gia giảng dạy. Ứng viên là thành viên trong Hội đồng Khoa học và đào tạo Khoa Môi trường từ tháng 5 năm 2023 (theo Quyết định số 1458/QĐ-ĐHKHTN ngày 16/5/2023). Ngoài các hoạt động trên, ứng viên còn tham gia các Hội đồng đánh giá khóa luận tốt nghiệp, luận văn, luận án, phản biện các bài báo khoa học; tham gia các khóa tập huấn tự đánh giá, viết báo cáo tự đánh giá cấp CTĐT theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục của Bộ GD và ĐT, tham gia Tổ công tác chuẩn bị báo cáo tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành Khoa học môi trường theo tiêu chuẩn của Bộ GD và ĐT (năm 2022) và CTĐT trình độ đại học ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường theo tiêu chuẩn AUN-QA (năm 2023). Ở mỗi vị trí, cá nhân ứng viên đều nỗ lực cố gắng và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- **Về hoạt động nghiên cứu khoa học:** Là một người có niềm đam mê nghiên cứu khoa học, sau khi hoàn thành nghiên cứu sinh tại CHLB Đức và trở về Trường ĐHKHTN, ứng viên tiếp tục phát triển hướng chuyên môn nghiên cứu như đã nêu ở trên, đồng thời luôn tích cực phát huy vai trò của người ươm mầm tri thức, truyền lửa đam mê nghiên cứu và dẫn dắt các thế hệ học trò học tập, rèn luyện và thực hiện nghiên cứu khoa học. Ứng viên đã chủ động đề xuất các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) và hoàn thành tốt vai trò chủ trì nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở (cấp trường ĐHKHTN) và nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh (Hưng Yên); đã tham gia vào các dự án, hoạt động NCKH của các đồng nghiệp cùng hướng chuyên môn trong và ngoài nước; chủ động viết và công bố được nhiều công trình khoa học đăng trên các tạp chí uy tín quốc gia và quốc tế mà ứng viên là tác giả chính, đã tạo được uy tín khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu. Ứng viên đã tham gia nhiều đề tài, dự án hợp tác quốc tế như dự án “Thiết kế và phát triển mạng lưới truyền thông tương tác giữa ASEAN – Nga nhằm trao đổi công nghệ phát triển nông nghiệp bền vững”, “Thích ứng và triển khai các

công nghệ sinh học phân tử hiện đại trong nông nghiệp và xử lý nước thải của các nước ASEAN và Nga”, tham gia chương trình trao đổi học thuật Sakura Science (Nhật Bản). Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, ứng viên đã có nhiều công trình công bố chung với các đồng tác giả ở các cơ sở đào tạo nghiên cứu uy tín ở nước ngoài, ví dụ như: Trung tâm Nghiên cứu môi trường Helmholtz – UFZ và Viện Công nghệ Karlsruhe (CHLB Đức), Đại học Linköping (Thụy Điển), Đại học Alberta (Canada), Viện Công nghệ Kyushu (Nhật Bản), Đại học Thammasat (Thái Lan). Với các thành tích khoa học đã đạt được, ứng viên đã vinh dự được nhận Bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN cho nhà khoa học đạt thành tích xuất sắc trong công tác nghiên cứu khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2022, Bằng khen của Hội nữ trí thức Việt Nam về thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học năm 2022 – 2023, các Giấy khen cho giáo viên hướng dẫn có sinh viên đạt giải thưởng NCKH cấp Trường ĐHKHTN trong ba năm liên tục: 2023, 2024 và 2025.

- **Về hoạt động phục vụ cộng đồng:** Các hướng nghiên cứu trọng tâm của ứng viên đều hướng đến giá trị thực tiễn, mang lại lợi ích cho xã hội và phục vụ cộng đồng. Ứng viên đã tham gia báo cáo tại nhiều hội nghị, hội thảo, chia sẻ kiến thức chuyên ngành và kết quả của các hoạt động NCKH có giá trị ứng dụng thực tiễn như nghiên cứu về vai trò của vi sinh vật và chế tạo vật liệu từ nguồn sinh khối phụ phẩm nông nghiệp để xử lý nước thải mỏ than (công trình được trao giải “Green Champions of Southeast Asia” bởi DAAD năm 2018); nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh (Hưng Yên) về nghiên cứu chế tạo hệ thống lọc chuyên biệt để loại bỏ  $H_2S$  từ hầm khí Biogas trong các nông trại để phát điện (2022 – 2024) giúp giải quyết vấn đề về khí  $H_2S$  trong biogas ở trang trại chăn nuôi, đồng thời góp phần thay đổi nhận thức, nâng cao hiểu biết cho người dân địa phương về vai trò của các hệ lọc khí ( $H_2S$ ) kết nối với hệ thống biogas. Ứng viên cũng đã tham gia nhiều công trình nghiên cứu có ý nghĩa khoa học và thực tiễn cao cùng các nhà khoa học trong và ngoài nước để xử lý nước thải khu công nghiệp Formosa (Hà Tĩnh), xử lý nước thải chăn nuôi lợn, xử lý nước thải nuôi trồng thủy sản...sử dụng công nghệ đất ngập nước nhân tạo, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường, phát triển bền vững.

- **Về thực hiện các nhiệm vụ công việc khác:** Ở tất cả các vị trí công việc khác như công tác giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập, thành viên tổ quảng bá tuyển sinh của Khoa Môi trường, Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN, ứng viên đều luôn cố gắng nỗ lực và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; giữ gìn phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không ngừng phấn đấu, bồi dưỡng bản thân, đáp ứng các yêu cầu của giảng viên trong ĐHQGHN.

## **2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:**

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 10 năm 10 tháng

Thời gian “10 năm 10 tháng” của ứng viên được tính từ thời điểm được ký hợp đồng lao động có đóng Bảo hiểm xã hội với Trường ĐHKHTN ở ngạch giảng viên, hạng III (HĐ lao động số 11/HĐLĐ-TCCB ngày 10 tháng 01 năm 2011) và không tính đến thời gian ứng viên thực hiện luận án tiến sĩ tại CHLB Đức (từ tháng 4 năm 2013 đến tháng 12 năm 2016).

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (theo quy định của ứng viên là PGS).

| TT                    | Năm học     | Số lượng NCS đã hướng dẫn |     | Số lượng ThS đã hướng dẫn | Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp |      | Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*) |
|-----------------------|-------------|---------------------------|-----|---------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------|------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
|                       |             | Chính                     | Phụ |                           |                                         | ĐH                                 | SĐH  |                                                                                           |
| 1                     | 2019 - 2020 | 0                         | 0   | 01                        | 01                                      | 115                                | 22,5 | 137,5/192,7/135(**)                                                                       |
| 2                     | 2020 - 2021 | 0                         | 0   | 01                        | 04                                      | 230                                | 37,5 | 267,5/400,9/229,5                                                                         |
| 3                     | 2021 - 2022 | 0                         | 0   | 01                        | 05                                      | 224,5                              | 37,5 | 262/446,4/229,5                                                                           |
| <b>3 năm học cuối</b> |             |                           |     |                           |                                         |                                    |      |                                                                                           |
| 4                     | 2022-2023   | 0                         | 0   | 0                         | 04                                      | 355,5                              | 22,5 | 378/536,5/204                                                                             |
| 5                     | 2023-2024   | 0                         | 0   | 0                         | 05                                      | 324                                | 22,5 | 346,5/510,2/204                                                                           |
| 6                     | 2024-2025   | 0                         | 0   | 0                         | 05                                      | 376                                | 0    | 376/610,3/204                                                                             |

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

(\*\*) Nghi chế độ thai sản

### 3. Ngoại ngữ:

#### 3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒ / Bảo vệ luận án TS tại CHLB Đức năm 2016.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: giảng dạy bằng tiếng Anh cho một số học phần thuộc CTĐT bậc đại học ở Khoa Môi trường, Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN, cụ thể như sau: E440: Đất ngập nước: đặc tính sinh học và quy định (Chương trình tiên tiến ngành Khoa học môi trường, Hợp tác với Đại học Indiana, Hoa Kỳ); EVS3460: Ngoại ngữ chuyên ngành (CTĐT chuẩn ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường); EVS3286E: Cơ sở công nghệ hóa sinh, EVS3464: Tiếng Anh chuyên ngành, EVS1103E: Công nghệ môi trường đại cương, EVS3293E: Xử lý nước thải sinh hoạt (CTĐT chất lượng cao ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường); EVS1115E: Độc học và sức khỏe môi trường (CTĐT chuẩn ngành Khoa học môi trường và CTĐT chất lượng cao ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường).

#### 3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): chứng chỉ IELTS 7.0

+

#### 4. Hướng dẫn HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng:

| TT | Họ tên NCS hoặc HVCH | Đối tượng |      | Trách nhiệm hướng dẫn |     | Thời gian hướng dẫn (năm) | Cơ sở đào tạo trong ĐHQGHN | Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng |
|----|----------------------|-----------|------|-----------------------|-----|---------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------|
|    |                      | NCS       | HVCH | Chính                 | Phụ |                           |                            |                                                       |
| 1  | Nguyễn Thị Quỳnh     |           | x    |                       | x   | 2019 - 2020               | ĐHKHTN                     | 22/05/2020                                            |
| 2  | Phạm Duy Hoàn        |           | x    | x                     |     | 2020 - 2021               | ĐHKHTN                     | 12/04/2023                                            |
| 3  | Trần Thị Tố Uyên     |           | x    | x                     |     | 2021 - 2022               | ĐHKHTN                     | 15/11/2022                                            |

#### 5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

Chi tiết về các giáo trình, chương sách ứng viên đã tham gia biên soạn phục vụ cho giảng dạy tại Khoa Môi trường, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên được liệt kê trong bảng sau:

| TT                                    | Tên sách                                                                                                                                                                                                              | Loại sách<br>(CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản | Số tác giả | Chủ biên                                            | Phần biên soạn<br>(từ... đến trang) | Xác nhận của cơ sở GDDH<br>(số văn bản xác nhận sử dụng sách)                                                       |
|---------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I. Trước khi được công nhận TS</b> |                                                                                                                                                                                                                       |                               |                              |            |                                                     |                                     |                                                                                                                     |
|                                       |                                                                                                                                                                                                                       |                               |                              |            |                                                     |                                     |                                                                                                                     |
| <b>II. Sau khi được công nhận TS</b>  |                                                                                                                                                                                                                       |                               |                              |            |                                                     |                                     |                                                                                                                     |
| 1                                     | Quản lý chất thải nguy hại                                                                                                                                                                                            | Giáo trình                    | NXB ĐHQGHN, 2022             | 9          | Đồng tác giả<br>(Chủ biên: GS.TS. Nguyễn Mạnh Khải) | 212 - 218                           | Quyết định số 1994/QĐ-ĐHKHTN ngày 28/6/2023 về việc lựa chọn và sử dụng sách làm giáo trình phục vụ đào tạo đại học |
| 2                                     | Chapter 27 - Food processing wastes as a potential source of adsorbent for toxicant removal from water (trong sách: Circular Economy and Sustainability, Volume 2: Environmental Engineering, ISBN 978-0-12-821664-4) | Chương sách tham khảo         | Elsevier, 2022               | 5          | Tác giả chính (tác giả liên hệ): Nguyễn Minh Phương | 491-507                             | Có bản xác nhận sử dụng chương sách phục vụ đào tạo ngày 16/6/2025                                                  |

|   |                                                                                                                                                                                                                                                        |                       |                |   |                                                      |           |                                                                    |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------|---|------------------------------------------------------|-----------|--------------------------------------------------------------------|
| 3 | Chapter 8 - Constructed wetlands and oxidation pond systems (trong sách: Current Developments in Biotechnology and Bioengineering, Advances in Biological Wastewater Treatment Systems, ISBN 978-0-323-99874-1)                                        | Chương sách tham khảo | Elsevier, 2022 | 5 | Tác giả chính (tác giả đứng đầu): Nguyễn Minh Phương | 227 - 251 | Có bản xác nhận sử dụng chương sách phục vụ đào tạo ngày 16/6/2025 |
| 4 | Chapter 24- Environmentally Sound Recycling of E-waste: A Sustainable Method Toward a More Resource-Efficient Circular Economy (trong sách: Circular Economy and Sustainable Development: Circular Economy and Sustainability, ISBN 978-3-031-66009-2) | Chương sách tham khảo | Springer, 2024 | 4 | Đồng tác giả                                         | 425 – 454 | Có bản xác nhận sử dụng chương sách phục vụ đào tạo ngày 16/6/2025 |

Trong đó: 02 chương sách tham khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản mà ứng viên là tác giả chính sau PGS: (STT: 2, 3)

Tóm tắt bối cảnh và đóng góp của ứng viên trong các giáo trình, chương sách liệt kê ở trên:

- Giáo trình “Quản lý chất thải nguy hại” được xuất bản năm 2022: Trong cuốn giáo trình này, ứng viên biên soạn mục 5.4 trong chương 5. Các phương pháp xử lý chất thải nguy hại (nội dung liên quan về phương pháp sinh học trong xử lý chất thải nguy hại gồm công nghệ vi sinh vật và công nghệ thực vật). Cuốn giáo trình là tài liệu học tập chính cho sinh viên ngành Khoa học môi trường (học phần Quản lý chất thải nguy hại) và ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường (học phần Kiểm soát và xử lý chất thải nguy hại).
- Chương sách “Food processing wastes as a potential source of adsorbent for toxicant removal from water” (trong sách: Circular Economy and Sustainability, Volume 2: Environmental Engineering) được xuất bản tại NXB quốc tế uy tín Elsevier năm 2022: Trong chương sách này, ứng viên đóng vai trò tác giả chính (tác giả liên hệ), biên soạn nội dung liên quan về sử dụng chất hấp phụ có nguồn gốc từ chất thải ngành công nghiệp chế biến thực phẩm để loại bỏ các chất độc hại khỏi môi trường nước. Chương sách là tài liệu tham khảo cho sinh viên ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường (học phần Công nghệ môi trường đại cương).
- Chương sách “Constructed wetlands and oxidation pond systems” (trong sách: Current Developments in Biotechnology and Bioengineering, Advances in Biological Wastewater Treatment Systems) được xuất bản tại NXB quốc tế uy tín Elsevier năm 2022: Trong chương sách này, ứng viên đóng vai trò tác giả chính (tác giả đứng đầu),

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

biên soạn toàn bộ nội dung về các tiến bộ của công nghệ đất ngập nước nhân tạo và hệ thống ao oxy hóa trong xử lý nước thải, phân tích những thách thức và triển vọng ứng dụng các công nghệ này trong tương lai. Chương sách là tài liệu tham khảo cho sinh viên ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường (học phần Xử lý nước thải sinh hoạt).

- Chương sách “Environmentally Sound Recycling of E-waste: A Sustainable Method Toward a More Resource-Efficient Circular Economy (trong sách: Circular Economy and Sustainable Development: Circular Economy and Sustainability) được xuất bản tại NXB quốc tế uy tín Springer năm 2024: Trong chương sách này, ứng viên đóng vai trò đồng tác giả, tham gia biên soạn nội dung về các công nghệ hiện tại và kỹ thuật tiên tiến trong tái chế rác thải điện tử. Chương sách là tài liệu tham khảo cho sinh viên ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường (học phần Tiếng Anh chuyên ngành).

## 6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

| TT                                         | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)                                                                             | CN/PCN/TK | Mã số và cấp quản lý                                          | Thời gian thực hiện           | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại |
|--------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------------------|
| <b>I. Trước khi được công nhận Tiến sĩ</b> |                                                                                                                            |           |                                                               |                               |                                                  |
|                                            |                                                                                                                            |           |                                                               |                               |                                                  |
| <b>II. Sau khi được công nhận Tiến sĩ</b>  |                                                                                                                            |           |                                                               |                               |                                                  |
| 1                                          | Nghiên cứu vai trò của vi sinh vật vùng rễ và thực vật thủy sinh trong xử lý nước thải                                     | CN        | TN.17.21 (Đề tài cấp cơ sở, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên) | Tháng 7/2017 – Tháng 7/2018   | 18/07/2018/<br>Xuất sắc                          |
| 2                                          | Nghiên cứu chế tạo hệ thống lọc chuyên biệt để loại bỏ H <sub>2</sub> S từ hầm khí Biogas trong các nông trại để phát điện | CN        | 89/Sở KH&CN Hưng Yên (nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh)                | Tháng 4/2022 – Tháng 4/2024   | 27/05/2024/<br>Đạt                               |
| 3                                          | Nghiên cứu xử lý nước thải nuôi trồng thủy sản bằng công nghệ đất ngập nước nhân tạo kết hợp pin nhiên liệu vi sinh        | CN        | QG.24.07 (Đề tài cấp ĐHQGHN)                                  | Tháng 12/2024 – Tháng 12/2026 | Đang thực hiện                                   |

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký; (\* các đề tài Quỹ Nafosted chỉ đánh giá ở 2 mức “đạt” hoặc “không đạt”).

**7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)**

**7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố**

| TT                                                                                           | Tên bài báo/báo cáo KH                                                                                        | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN                                                         |  | Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI/ Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang      | Năm công bố |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------|-------------|
| <b>I. Trước khi được công nhận Tiến sĩ</b>                                                   |                                                                                                               |            |                  |                                                                                                         |  |                                                   |                                            |                     |             |
| <b>I.a Tạp chí quốc tế trong danh mục ISI</b>                                                |                                                                                                               |            |                  |                                                                                                         |  |                                                   |                                            |                     |             |
| 1                                                                                            | The role of aquatic plants and microorganisms in domestic wastewater treatment                                | 3          |                  | Environmental Engineering and Management Journal<br>Print ISSN: 1582-9596<br>Electronic ISSN: 1843-3707 |  | SCIE, IF: 0,9; Q3                                 | 31                                         | 13 (8), 2031 - 2038 | 2014        |
| <b>I.b Tạp chí quốc gia (04 bài, trong đó 01 bài là tác giả chính)</b>                       |                                                                                                               |            |                  |                                                                                                         |  |                                                   |                                            |                     |             |
| 2                                                                                            | Khả năng sử dụng chế phẩm xạ khuẩn trong việc phòng chống bệnh cho tôm và xử lý ô nhiễm ao nuôi tôm           | 3          |                  | Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ<br>0866 - 8612                                  |  | -                                                 | -                                          | 24 (1S), 223 - 227  | 2008        |
| 3                                                                                            | Đánh giá dòng Cadimi trong môi trường quan với hoạt động của cộng đồng xã Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội            | 7          |                  | Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ<br>0866 - 8612                                  |  | -                                                 | -                                          | 28 (4S), 38 - 44    | 2012        |
| 4                                                                                            | Nghiên cứu ứng dụng vi sinh vật kết hợp thực vật ngập nước để xử lý nước thải làng nghề lụa Vạn Phúc, Hà Đông | 3          | ×                | Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ<br>0866 - 8612                                  |  | -                                                 | -                                          | 28 (4S), 168 - 173  | 2012        |
| 5                                                                                            | Phân tích dòng vật chất và đánh giá khả năng thu hồi phốt pho tại khu vực ngoại thành Hà Nội                  | 9          |                  | Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ<br>0866 - 8612                                  |  | -                                                 | -                                          | 29 (1), 22 - 30     | 2013        |
| <b>II Sau khi được công nhận Tiến sĩ</b>                                                     |                                                                                                               |            |                  |                                                                                                         |  |                                                   |                                            |                     |             |
| <b>II.a Tạp chí quốc tế trong danh mục ISI (16 bài, trong đó có 05 bài là tác giả chính)</b> |                                                                                                               |            |                  |                                                                                                         |  |                                                   |                                            |                     |             |
| 6                                                                                            | The sulfur depot in the rhizosphere of a common wetland plant, <i>Juncus</i>                                  | 4          |                  | Chemosphere<br>Online ISSN 0045-6535;<br>Linking ISSN:                                                  |  | SCIE; IF: 8,1; Q1                                 | 15                                         |                     | 2017        |

|    |                                                                                                                                                                                   |    |   |                                                                                                        |  |                                                     |     |                                |      |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-----------------------------------------------------|-----|--------------------------------|------|
|    | <i>effusus</i> , can support long-term dynamics of inorganic sulfur transformations                                                                                               |    |   | 1879-1298                                                                                              |  |                                                     |     |                                |      |
| 7  | Removal of pharmaceuticals and personal care products using constructed wetlands: effective plant-bacteria synergism may enhance degradation efficiency                           | 8  | × | Environmental Science and Pollution Research<br><i>Electronic ISSN: 1614-7499</i>                      |  | SCIE;<br>IF: 5,8<br>(2022);<br>Q1                   | 102 | 26<br>(21),<br>21109-<br>21126 | 2019 |
| 8  | Design and performance of a coarse media, high hydraulic load polishing wetland for steel industry wastewater                                                                     | 5  |   | Water Science and Technology<br><i>Print ISSN: 0273 – 1223;</i><br><i>Electronic ISSN: 1996 - 9732</i> |  | SCIE;<br>IF: 2,5;<br>Q2                             | 5   | 80 (1),<br>59-66               | 2019 |
| 9  | Colloidal dynamics of freshly formed Fe oxides under the influence of silicic acid: Implications for the study of the transport and dispersion of Fe oxides in acid mine drainage | 7  |   | Journal of Environmental Quality<br><i>Print ISSN: 0047-2425</i><br><i>Online ISSN: 1537-2537</i>      |  | SCIE;<br>IF: 2,2;<br>Q1                             | 7   | 48 (3),<br>670-<br>676         | 2019 |
| 10 | Selection of suitable filter materials for horizontal subsurface flow constructed wetland treating swine wastewater                                                               | 7  |   | Water, Air and Soil Pollution<br><i>Print ISSN: 0049-6979</i><br><i>Electronic ISSN: 1573-2932</i>     |  | SCIE;<br>IF: 3,8;<br>Q2                             | 36  | 231, 1<br>- 10                 | 2020 |
| 11 | Spatial characterization of microbial sulfur cycling in horizontal-flow constructed wetland models                                                                                | 6  | × | Chemosphere<br><i>Online ISSN: 0045-6535;</i><br><i>Linking ISSN: 1879-1298</i>                        |  | SCIE;<br>IF: 8,1;<br>Q1                             | 5   | 309,<br>136605                 | 2022 |
| 12 | Roles, mechanism of action, and potential applications of sulfur-oxidizing bacteria for                                                                                           | 10 | × | Science of The Total Environment<br><i>Online ISSN: 1876-1026</i><br><i>Linking ISSN:</i>              |  | SCIE;<br>IF: 8,2;<br>Q1, top<br>5% lĩnh<br>vực công | 65  | 852,<br>158203                 | 2022 |

|    |                                                                                                                  |    |   |                                                                                                                                 |  |                         |    |                           |      |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-------------------------|----|---------------------------|------|
|    | environmental bioremediation                                                                                     |    |   | 0048 - 9797                                                                                                                     |  | nghe môi trường         |    |                           |      |
| 13 | Microplastics as vectors of environmental contaminants: Interactions in the natural ecosystems                   | 8  | × | Human and Ecological Risk Assessment: An International Journal<br><i>Print ISSN: 1080-7039</i><br><i>Online ISSN: 1549-7860</i> |  | SCIE;<br>IF: 3,0;<br>Q2 | 24 | 28 (9),<br>1022 -<br>1042 | 2022 |
| 14 | Effects of micro-sized rice straw on soil clay dispersibility                                                    | 8  |   | European Journal of Soil Science<br><i>Online ISSN: 1365-2389</i><br><i>Print ISSN: 1351-0754</i>                               |  | SCIE;<br>IF: 4,0;<br>Q1 | 7  | 73(3),<br>e13246          | 2022 |
| 15 | The regulatory role of CO <sub>2</sub> on nutrient releases from ashed rice straw phytoliths                     | 9  |   | Biogeochemistry<br><i>Electronic ISSN: 1573-515X</i><br><i>Print ISSN: 0168-2563</i>                                            |  | SCIE;<br>IF: 3,9;<br>Q1 | 2  | 160 (1)                   | 2022 |
| 16 | Developing a new approach for design support of subsurface constructed wetland using machine learning algorithms | 12 |   | Journal of Environmental Management<br><i>Online ISSN: 1095-8630</i><br><i>Linking ISSN: 0301-4797</i>                          |  | SCIE;<br>IF: 8,0;<br>Q1 | 29 | 301,<br>113868            | 2022 |
| 17 | Application of extracellular polymeric substances extracted from wastewater sludge for reactive dye removal      | 7  |   | Environmental Processes<br><i>ISSN: 2198-7491</i> ;<br><i>eISSN: 2198-7505</i>                                                  |  | SCIE;<br>IF: 3,7;<br>Q1 | 5  | 9 (13)                    | 2022 |
| 18 | Arsenic (As)-resistant endophytic bacteria isolated from ferns growing in As-contaminated areas                  | 7  | × | Microbiology<br><i>Print ISSN: 0026-2617</i><br><i>Electronic ISSN: 1608-3237</i>                                               |  | SCIE;<br>IF: 1,3;<br>Q3 | 3  | 92,<br>892–<br>906        | 2023 |
| 19 | Treatment of shrimp farm effluents using a combination of native plant species in the Mekong Delta region        | 8  |   | International Journal of Environmental Science and Technology<br><i>Electronic ISSN: 1735-2630</i> ;                            |  | SCIE;<br>IF: 3,0;<br>Q1 | 4  | 20,<br>4459–<br>4466      | 2023 |

|                                                                                                 |                                                                                                                                                   |    |   |                                                                                                         |  |                                                                           |    |                                    |      |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---------------------------------------------------------------------------|----|------------------------------------|------|
|                                                                                                 |                                                                                                                                                   |    |   | Print ISSN:<br>1735-1472                                                                                |  |                                                                           |    |                                    |      |
| 20                                                                                              | New chitosan-biochar composite derived from agricultural waste for removing sulfamethoxazole antibiotics in water                                 | 10 |   | Bioresource Technology<br>Print ISSN:<br>0960 – 8524<br>Online ISSN:<br>1873 - 2976                     |  | SCIE;<br>IF: 9,7;<br>Q1, top<br>5% lĩnh<br>vực công<br>nghệ môi<br>trường | 56 | 385,<br>129384                     | 2023 |
| 21                                                                                              | Biochar-phytolith composite from rice straw: A dual-function material for hydrogen sulfide removal and slow-release nutrient delivery             | 14 |   | Biomass and Bioenergy<br>Print ISSN:<br>0961 – 9534<br>Online ISSN:<br>1873 - 2909                      |  | SCIE;<br>IF: 5,8;<br>Q1                                                   | -  | 195,<br>107705                     | 2025 |
| <b>II.b Tạp chí quốc tế trong danh mục SCOPUS (02 bài, trong đó có 01 bài là tác giả chính)</b> |                                                                                                                                                   |    |   |                                                                                                         |  |                                                                           |    |                                    |      |
| 22                                                                                              | Isolation and characterization of chlorpyrifos-degrading bacteria in tea-growing soils                                                            | 5  | × | Journal of Experimental Biology and Agricultural Sciences<br>Online ISSN:<br>2320-8694                  |  | SCOPUS,<br>Q4                                                             | 3  | 11(3),<br>563 -<br>571             | 2023 |
| 23                                                                                              | Selection of suitable filter materials for subsurface flow constructed wetland systems for wastewater treatment in rice noodle handicraft village | 8  |   | Vietnam Journal of Science and Technology<br>Print ISSN:<br>2525 – 2518;<br>Online ISSN:<br>2815 - 5874 |  | SCOPUS,<br>Q4                                                             | -  | 62                                 | 2024 |
| <b>II.c Tạp chí quốc tế khác (03 bài, trong đó có 01 bài là tác giả chính)</b>                  |                                                                                                                                                   |    |   |                                                                                                         |  |                                                                           |    |                                    |      |
| 24                                                                                              | Capacity of wetland mesocosm planted with <i>Cyperus alternifolius</i> in mining wastewater treatment                                             | 4  | × | Asian Journal of Microbiology, Biotechnology and Environmental Sciences<br>0972 - 3005                  |  | -                                                                         | -  | 20 (4),<br>1140-<br>1146           | 2018 |
| 25                                                                                              | Agro-wastes for aqueous heavy metal mitigation: a way toward circular economy                                                                     | 6  |   | Indian Journal of Natural Sciences<br>Print ISSN:<br>0976-0997.<br>Linking ISSN:<br>0976-0997           |  | -                                                                         | -  | 12<br>(70),<br>37750<br>–<br>37756 | 2022 |
| 26                                                                                              | Surface water pollution and proposed solutions for quality                                                                                        | 12 |   | International Journal of Biosciences and Biotechnology                                                  |  | -                                                                         | -  | 1 (1),<br>47 – 59                  | 2023 |

|                                                                            |                                                                                                                                                                                            |   |   |                                                                                                                          |  |   |   |                             |      |
|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---|---|-----------------------------|------|
|                                                                            | improvement in Kim Xa commune, Vinh Tuong district, Vinh Phuc, Vietnam                                                                                                                     |   |   | Print ISSN: 2301 - 3371<br>Electronic ISSN: 2655-9994                                                                    |  |   |   |                             |      |
| <b>II.d Tạp chí quốc gia (13 bài, trong đó có 06 bài là tác giả chính)</b> |                                                                                                                                                                                            |   |   |                                                                                                                          |  |   |   |                             |      |
| 27                                                                         | Nghiên cứu vai trò của thực vật thủy sinh và hệ vi sinh vật vùng rễ trong hệ thống đất ngập nước nhân tạo xử lý nước thải sinh hoạt                                                        | 6 | × | Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Các Khoa học Trái đất và Môi trường<br>Print ISSN: 2615 - 9279;<br>Electronic ISSN: 2588 - 1094 |  | - | 1 | 33 (1S), 39 - 44            | 2017 |
| 28                                                                         | Selection of suitable plant species for wastewater treatment by constructed wetland at the Formosa Hatinh steel company                                                                    | 3 |   | Vietnam Journal of Science and Technology<br>Print ISSN: 2525 - 2518;<br>Online ISSN: 2815 - 5874                        |  | - | 1 | 56 (2C), 157-163            | 2018 |
| 29                                                                         | Treatment efficiency of piggery wastewater by surface and horizontal subsurface flow constructed wetlands                                                                                  | 5 |   | Vietnam Journal of Science and Technology<br>Print ISSN: 2525 - 2518;<br>Online ISSN: 2815 - 5874                        |  | - | 3 | 58 (3A), 84-92              | 2020 |
| 30                                                                         | Nghiên cứu cảnh báo rủi ro tích lũy đồng trong đất trồng cây ăn quả có múi                                                                                                                 | 7 |   | Tạp chí Môi trường<br>2615-9597                                                                                          |  | - | - | Số đặc biệt (SI), 46 - 50   | 2021 |
| 31                                                                         | Nghiên cứu loại bỏ kháng sinh sulfamethoxazole trong nước bằng vật liệu composite chitosan - Fe <sub>3</sub> O <sub>4</sub> : chế tạo vật liệu và các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình xử lý | 8 |   | Tạp chí Môi trường<br>2615-9597                                                                                          |  | - | - | Số đặc biệt (SI), 129 - 134 | 2021 |
| 32                                                                         | Bước đầu nghiên cứu đánh giá khả năng xử lý nước thải sinh hoạt bằng giá thể xơ dừa                                                                                                        | 3 | × | Tạp chí Môi trường<br>2615-9597                                                                                          |  | - | - | Số đặc biệt (SI), 135 - 139 | 2021 |
| 33                                                                         | Iron and manganese removal from                                                                                                                                                            | 4 | × | Tạp chí Khoa học ĐHQGHN:                                                                                                 |  | - | 2 | 38 (2), 111-                | 2022 |

|    |                                                                                                                                                                                 |   |   |                                                                                                                                       |  |   |   |                    |      |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---|---|--------------------|------|
|    | wastewater by constructed wetlands planted with <i>Caladium bicolor</i>                                                                                                         |   |   | Các Khoa học Trái đất và Môi trường<br><i>Print ISSN: 2615 –9279;</i><br><i>Electronic ISSN: 2588 - 1094</i>                          |  |   |   | 118                |      |
| 34 | The influence of pollutants on plant growth and treatment efficiency of horizontally-constructed wetlands                                                                       | 5 |   | Vietnam Journal of Science, Technology and Engineering<br><i>Print ISSN: 2525-2461,</i><br><i>Electronic ISSN: 2615-9937</i>          |  | - | 3 | 65 (2), 42 – 46    | 2023 |
| 35 | Nghiên cứu khả năng xử lý nước thải nuôi trồng thủy sản bằng thực vật thủy sinh                                                                                                 | 4 | × | Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Các Khoa học Trái đất và Môi trường<br><i>Print ISSN: 2615 –9279;</i><br><i>Electronic ISSN: 2588 - 1094</i> |  | - | - | 39 (4), 51 – 62    | 2023 |
| 36 | Using biochar to improve soil fertility and productivity of drought-tolerant sweet potatoes in Thanh Hoa coastal sandy soil                                                     | 5 |   | Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Các Khoa học Trái đất và Môi trường<br><i>Print ISSN: 2615 –9279;</i><br><i>Electronic ISSN: 2588 - 1094</i> |  | - | - | 40 (1S), 9-19      | 2024 |
| 37 | Evaluating the sulfur oxidation capability of a <i>Rhodopseudomonas palustris</i> strain by gene and enzyme analyses for potential applications in environmental bioremediation | 6 | × | Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Các Khoa học Trái đất và Môi trường<br><i>Print ISSN: 2615 –9279;</i><br><i>Electronic ISSN: 2588 - 1094</i> |  | - | 1 | 40 (1S), 107 - 114 | 2024 |

|                                                                                                                                        |                                                                                                                                            |   |   |                                                                                                               |            |   |               |      |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|---|---------------|------|
| 38                                                                                                                                     | Đánh giá thực trạng, chất lượng và đề xuất các giải pháp sử dụng bền vững tài nguyên đất nông nghiệp huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa         | 8 |   | Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn<br>2815-6153                                                      | -          | - | 17, 87-100.   | 2024 |
| 39                                                                                                                                     | Nghiên cứu xử lý nước thải nuôi trồng thủy sản bằng hệ đất ngập nước nhân tạo trồng cây hồng môn ( <i>Anthurium andraeanum</i> )           | 3 | × | Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Khoa học Tự nhiên và Công nghệ<br>2615 – 9317                                        | -          |   | 41 (3), 66-76 | 2025 |
| <b>II.e Báo cáo toàn văn trong Kỷ yếu hội thảo quốc tế trong danh mục SCOPUS (02 báo cáo, trong đó có 01 báo cáo là tác giả chính)</b> |                                                                                                                                            |   |   |                                                                                                               |            |   |               |      |
| 40                                                                                                                                     | Potential and method for effective using of biomass from agricultural products (paddy, maize, peanut) in Northern Vietnam                  | 5 |   | IOP Conference Series: Earth and Environmental Science<br>Print ISSN: 1755-1307<br>Electronic ISSN: 1755-1315 | SCOPUS, Q4 | - | 266, 012001   | 2019 |
| 41                                                                                                                                     | The effects of <i>Rhizobium</i> inoculation on the growth of rice ( <i>Oryza Sativa</i> L.) and white radish ( <i>Raphanus Sativus</i> L.) | 8 | × | IOP Conference Series: Earth and Environmental Science<br>Print ISSN: 1755-1307<br>Electronic ISSN: 1755-1315 | SCOPUS, Q4 | 5 | 995, 012053   | 2022 |
| <b>II.f Báo cáo toàn văn trong Kỷ yếu hội thảo quốc tế khác (02 báo cáo)</b>                                                           |                                                                                                                                            |   |   |                                                                                                               |            |   |               |      |
| 42                                                                                                                                     | Improvement of COD and ammonium removal from domestic wastewater by activated aerobic granular sludge                                      | 6 |   | Kỷ yếu Hội thảo quốc tế VACI (Vietnam International Water Week)                                               | -          | - | 68 - 70       | 2018 |
| 43                                                                                                                                     | Hybrid constructed wetland and pond system for polishing steel industry wastewater in Vietnam                                              | 5 |   | Kỷ yếu Hội thảo quốc tế IWA 16 <sup>th</sup> , Specialist Conference on Wetland Systems for Water Pollution   | -          | - | 110 - 113     | 2018 |

|             |                                                                                                                         |   |   |                                                                                                                                                                                                                                               |  |   |   |           |      |
|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---|---|-----------|------|
|             |                                                                                                                         |   |   | Control,<br>Valencia, Tây<br>Ban Nha                                                                                                                                                                                                          |  |   |   |           |      |
| <b>II.g</b> | <b>Báo cáo toàn văn trong Kỷ yếu hội nghị quốc gia (02 báo cáo, trong đó có 01 báo cáo là tác giả chính)</b>            |   |   |                                                                                                                                                                                                                                               |  |   |   |           |      |
| 44          | Đánh giá khả năng xử lý nước thải sinh hoạt sử dụng hệ thống thiếu khí - hiếu khí luân phiên,                           | 4 | × | Kỷ yếu Hội nghị khoa học toàn quốc Trái đất, Mỏ, Môi trường bền vững lần thứ V - Khoa học và công nghệ Trái đất, Mỏ, Môi trường phục vụ đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia (Creative EME 2022), ISBN 978-604-357-121-9 |  | - | - | 251 - 261 | 2022 |
| 45          | Hiệu quả của việc bổ sung nitơ đến khả năng phân hủy hydrocacbon dầu mỏ trong đất/cát ô nhiễm của tập hợp chủng nấm men | 6 |   | Kỷ yếu Hội nghị khoa học toàn quốc về Công nghệ sinh học, ISBN 978-604-489-393-8                                                                                                                                                              |  | - | - | 790 - 795 | 2024 |

Như vậy, ứng viên đã công bố tổng số **45** bài báo/báo cáo khoa học. Sau khi được công nhận Tiến sĩ, ứng viên đã công bố **16** bài báo trong danh mục SCIE (trong đó có **05** bài là tác giả chính: bài báo số 7, 11, 12, 13, 18), **02** bài báo trên tạp chí thuộc danh mục SCOPUS (trong đó có **01** bài là tác giả chính: bài báo số 22), **03** bài báo trên tạp chí quốc tế khác (trong đó có **01** bài là tác giả chính: bài báo số 24), **13** bài báo khoa học trên tạp chí trong nước và **06** báo cáo toàn văn đăng trong Kỷ yếu hội thảo quốc tế/quốc gia.

## 7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

| TT | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích | Tên cơ quan cấp | Ngày tháng năm cấp | Tác giả chính/đồng tác giả | Số tác giả |
|----|------------------------------------------------|-----------------|--------------------|----------------------------|------------|
|    |                                                |                 |                    |                            |            |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

**8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:**

| TT | Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN                | Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia) | Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm) | Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế      | Ghi chú |
|----|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|---------|
| 1  | Điều chỉnh CTĐT chuẩn trình độ đại học ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường | Tham gia                       | QĐ số 2275/QĐ-ĐHKHTN ngày 24/7/2023          | Trường ĐHKHTN                      | QĐ số 3529/QĐ-ĐHKHTN ngày 18/10/2023 |         |
| 2  | Điều chỉnh CTĐT trình độ thạc sĩ chuyên ngành Kỹ thuật môi trường          | Tham gia                       | QĐ số 2277/QĐ-ĐHKHTN ngày 24/7/2023          | Trường ĐHKHTN                      | QĐ số 3578/QĐ-ĐHKHTN ngày 18/10/2023 |         |
| 3  | Điều chỉnh CTĐT trình độ tiến sĩ chuyên ngành Kỹ thuật môi trường          | Tham gia                       | QĐ số 2281/QĐ-ĐHKHTN ngày 24/7/2023          | Trường ĐHKHTN                      | QĐ số 3583/QĐ-ĐHKHTN ngày 18/10/2023 |         |

**9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học thay thế:**

Tất cả các tiêu chuẩn đều đáp ứng đủ điều kiện để đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh.

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**



**Nguyễn Minh Phương**